

ĐIỀU TRA SỬ DỤNG LOÀI CÂY THUỐC VÀ TRI THỨC BẢN ĐỊA Ở SAPA, LÀO CAI

Lương Thị Hoan¹, Nghiêm Tiến Chung¹, Nguyễn Minh Khởi¹, Trịnh Văn Vượng¹

¹*Viện Dược Liệu*

TÓM TẮT

Lào Cai là một tỉnh Tây Bắc, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Mỗi dân tộc nơi đây lưu giữ nhưng nét riêng về tri thức và kinh nghiệm trong việc sử dụng loài thực vật ở rừng để chữa bệnh. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm điều tra về sử dụng loài cây thuốc và kiến thức bản địa của dân tộc H'mông và Dao tại Sapa. Kết quả chỉ ra, thực vật được sử dụng làm thuốc trên 116 loài cây có 52 loài cây sử dụng ở dân tộc Dao, 54 loài cây sử dụng trong nhóm dân tộc H'mông, 11 loài cây sử dụng chung trong cả 2 nhóm dân tộc. Các bộ phận sử dụng để làm thuốc là rất đa dạng như thân, lá, củ, rễ... tập trung nhiều trên hai bộ phận thân, lá cả cây được dùng phổ biến. Đồng bào dân tộc H'mông sử dụng 21 bài thuốc và Dao sử dụng 18 bài thuốc chữa bệnh, hầu hết bài thuốc chữa bệnh của các nhóm dân tộc này tập trung bệnh đau nhức xương khớp, phụ nữ sau sinh, bệnh mãn ngứa, lợi tiêu, các bệnh hiếm gặp hơn như gan, rắn cắn, hô hấp, tim mạch cũng được đồng bào sử dụng cây thuốc để chữa trị. Kinh nghiệm chữa bệnh của ông lang, bà mẹ cũng có nét đặc trưng góp phần duy trì tri thức bản địa từ đời này qua đời khác của đồng bào dân tộc ở Sapa, Lào Cai. Thêm vào đó, việc sống chung trên cùng một địa bàn cũng đã dẫn tới sự giao thoa về văn hoá nói chung, trong đó có sự giao thoa cả về kinh nghiệm trong việc điều trị bệnh bằng thực vật. Điều này được thể hiện qua việc một cây hoặc một nhóm cây cùng được sử dụng để điều trị chung cho một bệnh ở các dân tộc khác nhau.

Từ khóa: cây thuốc, dân tộc thiểu số, kiến thức bản địa, Sapa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một nước đa dạng nền văn hóa, là nơi cư trú của 54 dân tộc mà phần lớn là dân tộc thiểu số với khoảng 24 triệu người chiếm hơn 1/3 dân số quốc gia (Nguyễn Thị Thanh Văn, 2005) có truyền thống phong tục tập quán khác nhau. Mỗi một dân tộc đều tồn tại và phát triển, sáng tạo tích lũy riêng cho mình một hệ thống tri thức và kinh nghiệm sử dụng thực vật để phòng và chữa bệnh theo quá trình khai thác tự nhiên (Lê Thị Thanh Hương & Nguyễn Trung Thành, 2016; Lưu Đàm Cư, 2009). Sapa, Lào Cai là nơi có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống bao gồm H'mông, Dao, Tày, Kinh, Giáy, Xá Phó; trong đó dân tộc H'mông chiếm 52%, dân tộc Dao chiếm 22,4%. Từ lâu đời đồng bào các dân tộc thiểu số ở Sapa, Lào Cai có truyền thống chữa bệnh bằng cây thuốc, mỗi dân tộc lại có những kinh nghiệm riêng, đặc trưng cho dân tộc mình. Việc tư liệu hóa về kiến thức bản địa và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc H'mông, Dao đóng một vai trò quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này điều tra tri thức bản địa và

kinh nghiệm sử dụng các loài cây thuốc của cộng đồng dân tộc H'mông và Dao tại Sapa, Lào Cai để bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thực vật.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp điều tra cộng đồng

Điều tra phỏng vấn thu thập và cách sử dụng cây thuốc trong cộng đồng theo phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (Rural Rapid Appraisal) và phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân (Participatory Rapid Appraisal) bao gồm:

a) Quan sát trực tiếp: được sử dụng như một công cụ trong suốt các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn tìm hiểu bức tranh chung về điều kiện tự nhiên địa hình, lịch sử, điều kiện kinh tế, xã hội và các hoạt động hàng ngày của cộng đồng.

b) Phỏng vấn: đặt câu hỏi trực tiếp với người dân địa phương hoặc sử dụng phiếu điều tra:

+ Phỏng vấn mở: là phương pháp phỏng vấn tự do có thể hỏi bất kỳ câu hỏi nào tùy thuộc vào hoàn cảnh, thứ tự các nội dung câu hỏi có thể thay đổi dựa trên câu trả lời của người cung cấp thông tin.

+ Phỏng vấn bán cấu trúc: là phương pháp

phỏng vấn trên cơ sở sử dụng một sườn thông tin cần phỏng vấn, thường là một danh mục câu hỏi được chuẩn bị trước và cách đặt câu hỏi (thứ tự câu hỏi) cũng như các câu hỏi mới phát sinh trong quá trình phỏng vấn sẽ được thay đổi tùy theo đối tượng được phỏng vấn.

+ Phỏng vấn bằng bảng câu hỏi: Là phương pháp phỏng vấn sử dụng một bộ câu hỏi chung đối với tất cả người cung cấp tin sử dụng các câu hỏi được thiết kế trong phiếu điều tra. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ dân tộc (H'mông và Dao) với sự giúp đỡ của một người phiên dịch địa phương và được ghi lại bằng tiếng phổ thông. Mỗi người cung cấp thông tin đã được phỏng vấn trong suốt thời gian nghiên cứu để xác định các thông tin cung cấp.

+ Đối tượng phỏng vấn là những người có kiến thức trong việc sử dụng cây thuốc (hay được gọi là những người cung cấp thông tin quan trọng) bao gồm những ông lang, bà mế, người thu hái cây thuốc, và người dân địa phương mỗi dân tộc phỏng vấn 50 người có độ tuổi từ 35 đến 60 tuổi.

c) Điều tra theo tuyến người cung cấp thông tin quan trọng: người cung cấp thông tin là những người am hiểu về cây thuốc trong khu vực gồm thầy lang, bà mế, người thu hái cây thuốc... Các bước thực hiện bao gồm:

Xác định tuyến điều tra: tuyến điều tra được xác định dựa trên thực trạng thực vật, địa hình và phân bố cây thuốc trong khu vực. Các tuyến điều tra được đi qua các địa hình và thảm thực vật khác nhau, lấy trung tâm cộng đồng làm tâm và đi theo các hướng khác nhau.

Các tuyến điều tra của hai dân tộc thực hiện tại các xã Sa Pả nằm ở tọa độ 22°20'32"B 103°51'6"E, Hào Thào thuộc tọa độ 22°18'49"B 103°53'56"E đại diện cho nhóm dân tộc H'mông, và xã Tả Phìn nằm ở tọa độ 22°23'58"B 103°50'15"E đại diện cho nhóm dân tộc Dao.

Thu thập thông tin tại thực địa theo tuyến và phỏng vấn người cung cấp thông tin về tên tuổi, địa chỉ, dân tộc, giới tính của người cung cấp thông tin: tên cây (tên địa phương, phiên âm);

bộ phận dùng, cách sử dụng, thời gian thu hái, cách thu hái, tình hình mua bán, giá cả, nguồn và thông tin thương mại về các loại cây thuốc: các mối đe dọa ảnh hưởng đến tài nguyên thực vật làm thuốc...

2.2. Phương pháp kế thừa

Kế thừa các tài liệu nghiên cứu khoa học (báo cáo, bài báo, dự án...) đã xuất bản liên quan đến cây thuốc ở Sapa, Lào Cai, các kinh nghiệm sử dụng cây thuốc, bài thuốc của các ông lang, bà mế trong cộng đồng dân tộc thiểu số H'mông và Dao tại Sapa Lào Cai cũng như các tài liệu khác có liên quan đến đề tài trên nguyên tắc có chọn lọc và phê phán.

2.3. Phương pháp thu thập và ghi chép mẫu vật

Phương pháp thu mẫu: Sử dụng phương pháp thu thập mẫu vật theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Mẫu vật được thu hái theo danh lục đã phỏng vấn và theo sự chỉ dẫn của các thầy thuốc, ông lang, bà mế của người dân tộc H'mông và Dao ở tỉnh Lào Cai. Sử dụng máy ảnh để ghi lại hình ảnh của các loài cây thuốc, cách sơ chế, sử dụng và những hoạt động của tập thể trong quá trình nghiên cứu.

- Mô tả mẫu vật: Mẫu vật thu thập được mô tả chi tiết về các đặc điểm: thân, rễ, lá, hoa, quả, hạt... (nếu có), đặc biệt một số đặc điểm sẽ bị mất đi sau khi khô như: mùi vị, màu sắc, nhựa mủ... Việc mô tả mẫu vật có vai trò hết sức quan trọng, có thể giúp nhận diện chính xác mẫu vật nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Sử dụng các loài cây thuốc của dân tộc H'Mông và Dao

Điều tra tri thức sử dụng cây thuốc y học cổ truyền tại dân tộc H'mông và Dao Sapa, Lào Cai kết quả được thực hiện ở 3 xã gồm: Hào Thào, Sa Pả và Tả Phìn cho thấy cộng đồng dân tộc H'mông và Dao có tri thức sử dụng cây thuốc chữa bệnh rất phong phú. Kết quả ghi nhận được khoảng trên 100 loài cây thuốc (Bảng 1) được sử dụng để chữa bệnh, thông tin điều tra cũng cho thấy họ sử dụng chủ yếu dưới dạng thuốc sắc, tắm chữa các loại bệnh như cảm sốt, bệnh ngoài da, xương khớp, tiểu đường, bồi bổ cơ thể, chữa vô sinh...

Bảng 1. Danh lục tên cây thuốc và công dụng của cây thuốc điều tra tại Sapa

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Họ thực vật	Công dụng, cách dùng	Bộ phận dùng	Dân tộc
1	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Voss	Ngũ gia bì gai	Araliaceae	Đun tắm, chữa bệnh sau sinh	Toàn bộ thân	Dao
2	<i>Aeschynanthus</i> sp.	Má đào	Gesneriaceae	Ngâm rượu ăn cái khôe sau sinh	Rễ, thân, lá	Dao
3	<i>Aganonerion polymorphum</i> Pierre ex Spire	Chua ngọt, lá giang	Apocynaceae	Tắm chữa côn trùng cắn	Lá	Dao
4	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ xước	Amaranthaceae	Đau bụng đi ngoài	Thân, lá	Dao
5	<i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl. In F. Forbes & Hemsl	Ngọc cầu	Balanophoraceae	Ngâm rượu chữa bệnh khí hư, viêm nhiễm âm đạo ở phụ nữ	Toàn bộ bộ phận	Dao
6	<i>Bauhinia</i> sp.	Móng bò	Fabaceae	Tắm, uống sau sinh.	Vỏ, rễ, hoa, quả	Dao
7	<i>Bacopa monnieri</i> L	Rau đắng	Urticaceae	Ngâm rượu uống khôe	Cả cây	Dao
8	<i>Chloranthus</i> sp.	Sói rừng	Chloranthaceae	Chè uống, đau bụng không đi ngoài được	Rễ, lá	Dao
9	<i>Clematis</i> sp.	Hoa ông lão	Ranunculaceae	Đau lưng, nhức mỏi, khó tiêu	Rễ, thân	Dao
10	<i>Clinopodium</i> sp.	Rau phong luân	Lamiaceae	Tắm chữa ghê	Thân lá	Dao
11	<i>Clerodendrum</i> sp.	Mò	Verbenaceae	Uống chữa đau đầu.	Rễ	Dao
12	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f. & Thoms	Đảng sâm	Campanulaceae	Ăn sau sinh khôe.	Rễ củ	Dao
13	<i>Costus speciosus</i> (Koenig) Smith	Mía dò hoa ngọn	Costaceae	Đau chân tay, xương khớp	Thân rễ	Dao
14	<i>Crotalaria</i> sp.	Lục lạc, sục sặc	Fabaceae	Thuốc uống chữa bụng to, bí đái; tắm (cả cây trừ rễ)	Cả cây	Dao
15	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh hoa trắng	Convallariaceae	Chữa sai khớp (củ đập)	Thân, rễ	Dao
16	<i>Dichroa febrifuga</i> Lour.	Thường sơn	Hydrangeaceae	Chữa hạch ở bẹn.	Rễ	Dao
17	<i>Dregea</i> sp.	Bù ộc	Aslepiadaceae	Xoa bóp, tắm chữa ngứa	Toàn dây, rễ dạng thân	Dao
18	<i>Desmodium</i> sp.	Thóc lép	Fabaceae	Đau chân tay, xương khớp. Bị hồng thai - uống.	Cả cây	Dao
19	<i>Elephantopus tomentosus</i> L.	Cúc chi thiên	Asteraceae	Đau bụng, đau lưng	Cả cây	Dao
20	<i>Elaeagnus loureiri</i> Champ	Nhót	Elaeagnaceae	Đi ngoài lỏng	Quả, lá	Dao
21	<i>Embelia</i> sp.	Rẻ	Myrsinaceae	Thuốc tắm, uống khôe		Dao
22	<i>Elsholtzia penduliflora</i> W. Smith	Chùa dù	Lamiaceae	Chữa sốt, sốt rét, cảm cúm, viêm họng	Cả cây	Dao
23	<i>Fissitigma</i> sp.	Lưỡi trâu	Anonaceae	Đau chân, đau xương khớp	Rễ củ	Dao
24	<i>Flemingia macrophylla</i> (Willdenow) Prain	Hàm xì lá to	Fabaceae	Tắm sau sinh	Rễ, lá	Dao
25	<i>Ficus</i> sp.	Sờ cầu phai (tên địa phương)	Moraceae	Tắm, ăn được	Lá	Dao
26	<i>Ficus</i> sp.	Ngái	Moraceae	Đau lưng, đau chân tay	Lá, thân, rễ	Dao
27	<i>Ficus</i> sp.	Đa lá nhỏ	Moraceae	Thuốc tắm khôe	Vỏ thân	Dao
28	<i>Grewia</i> sp.	Cò ke	Tiliaceae	Đau dạ dày	Rễ, lá	Dao

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Họ thực vật	Công dụng, cách dùng	Bộ phận dùng	Dân tộc
29	<i>Hedyotis sp.</i>	Dạ cảm	Rubiaceae	Thuốc tắm, không (cả cây trừ rễ)	Lá, ngọn non và rễ	Dao
30	<i>Hydnocarpus sp.</i>	Nang trứng	Achariaceae	Thuốc tắm khỏe	Thân, lá	Dao
31	<i>Illigera parviflora Dunn</i>	Liên đăng hoa nhỏ	Hernandiaceae	Tắm sau sinh	Thân, lá	Dao
32	<i>Mosla</i>	Lá men	Lamiaceae	Chữa bong, mụn	Cả cây	Dao
33	<i>Musa sp.</i>	Chuối búp đỏ	Musaceae	Ăn, chữa bệnh sinh đê, chữa độc lá ngón, mát	Quả, thân, hạt	Dao
34	<i>Mussaenda sp.</i>	Bướm bạc	Rubiaceae	Bí đái	Hoa, thân, rễ	Dao
35	<i>Leea sp.</i>	Gối hạc	Leeaceae	Đau khớp, đau chân tay	Rễ	Dao
36	<i>Ophiopogon sp.</i>	Cao cẳng	Convallariaceae	Tốt cho sức khỏe	Thân rễ	Dao
37	<i>Phlogacanthus sp.</i>	Hóa rô	Acanthaceae	Đau bụng, đau lưng	Cành lá	Dao
38	<i>Piper sp.</i>	Tiêu rừng	Piperaceae	Làm men rượu, đun uống	Rễ, quả	Dao
39	<i>Piper sp.</i>	Tiêu	Piperaceae	Chữa đau nhức (uống)	Quả	Dao
40	<i>Pothos chinensis</i> (Raf.) Merr	Chân rết tàu	Araceae	Chữa ho, uống, tắm	Toàn cây	Dao
41	<i>Polygona sp.</i>	Rau răm	Polygonaceae	Sinh đê, ốm, mệt, ho uống	Thân lá	Dao
42	<i>Psidium guajava L.</i>	Ổi	Myrtaceae	Đau bụng đi ngoài.	Búp non, quả	Dao
43	<i>Paris sp.</i>	Bây lá một hoa	Triliaceae	Chữa dạ dày, gan, đau lưng, nóng trong đun uống	Lá, thân rễ	Dao
44	<i>Raphidophora decursiva</i> (Roxb.) Schott.	Ráy leo lá rách	Araceae	Tắm chữa đau nhức	Thân	Dao
45	<i>Ricinus sp.</i>	Thầu dầu	Euphorbiaceae	Tắm, ăn lá sau sinh	Hạt, rễ và lá	Dao
46	<i>Rosa chinensis</i> Jacq	Hoa hồng	Rosaceae	Chữa đi ngoài ra máu	Hoa	Dao
47	<i>Sida sp.</i>	Ké hoa vàng	Malvaceae	Chữa sảy thai, giữ thai	Lá	Dao
48	<i>Tacca sp.</i>	Râu hùm	Taccaceae	Đun nước uống chữa đau lưng	Thân rễ	Dao
49	<i>Tetrapanax papyriferus</i> (Hook.) K. Koch	Thông thảo	Araliaceae	Đau lưng, đau bụng đi ngoài không ra	Lõi thân, rễ và nụ hóa	Dao
50	<i>Tinospora sinensis</i> (Lour.) Merr.	Dây đau xương	Menispermaceae	Bệnh sinh đê xong, đun tắm	Thân	Dao
51	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Visan	Đu đù rừng	Araliaceae	Làm thuốc tắm	Lõi thân, lá	Dao
52	<i>Uncaria macrophylla</i> Wall. ex Roxb	Câu đàng	Rubiaceae	Người sinh đê, bệnh về gan	Đoạn thân	Dao
53	<i>Acanthopanax gracilistylus</i> W. W. Smith	Ngũ gia bì hương	Araliaceae	Đau nhức xương khớp, làm thuốc bó	Toàn bộ thân	H'mông
54	<i>Acorus gramineus</i> Soland	Thạch xương bò	Acoraceae	Ho, phong thấp, nhức xương, tiêu chày (đun uống)	Rễ, củ	H'mông
55	<i>Adenostemma lavenia</i> (L.) Kuntze	Cỏ mịch	Asteraceae	Mụn nhọt, mẩn ngứa, rấn cắn	Cành lá	H'mông
56	<i>Ageratina adenophora</i> (Spreng.) R.M. King & H. Rob.	Cộng sản	Asteraceae	Chữa bong (giã đắp)	Cành lá	H'mông
57	<i>Angiopteris yunnanensis</i> Hieron.	Móng trâu Vân Nam	Marattiaceae	Rấn cắn	Cành lá	H'mông
58	<i>Artemisia absinthium</i> L.	Ngải đắng	Asteraceae	Đau dạ dày	Cả cây	H'mông
59	<i>Berberin sp.</i>	Hoàng liên gai	Berberidaceae	Lấy vỏ chữa đi ỉa	Thân rễ	H'mông

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Họ thực vật	Công dụng, cách dùng	Bộ phận dùng	Dân tộc
60	<i>Boehmeria nivea</i> (L.) Gaudich	Gai	Urticaceae	An thai (Dành cho phụ nữ)	Rễ	H'mông
61	<i>Cardamine hirsuta</i> L.	Rau tề tằm	Brassicaceae	Đau răng	Cả cây	H'mông
62	<i>Celosia argentea</i> L. var. <i>cristata</i>	Mào gà đỏ	Amaranthaceae	Tăng cường sinh lực cho đàn ông	Cả cây	H'mông
63	<i>Chlorophytum elatum</i> R.Br.	Lục thảo	Asphodelaceae	Rắn cắn	lá	H'mông
64	<i>Chrysanthemum</i> sp.	Cúc hoa	Asteraceae	Đau miệng, đau răng	Cành lá	H'mông
65	<i>Crinum defixum</i> Ker-Gawl	Náng lá kiếm	Amaryllidaceae	Chữa vô sinh, bổ máu (Đun nước uống)	lá	H'mông
66	<i>Cuphea hyssopifolia</i> Kunth	Cầm tú mai	Lythraceae	Xương khớp	Cả cây	H'mông
67	<i>Datura metel</i> L.	Cà độc dược	Solanaceae	Chữa đau xương khớp, ngã bầm tím	Quả	H'mông
68	<i>Edgeworthia chrysantha</i> Lindley	Dó	Thymelaeaceae	An thai (Dùng để bôi, xoa)	Cành lá	H'mông
69	<i>Eupatorium fortunei</i> Turcz	Lan thảo	Asteraceae	Chữa kinh nguyệt bế, kinh nguyệt không đều	Thân non, lá hoa	H'mông
70	<i>Eutrochium fistulosum</i> (Barratt) E.E.Lamont	Mần tưới	Asteraceae	Mất ngủ, phụ nữ sau sinh ăn uống kém, mệt mỏi, kinh nguyệt không đều	Cả cây	H'mông
71	<i>Fragaria vesca</i> L.	Dâu tây dại	Rosaceae	Ỉa chảy, mụn nhọt	Cả cây	H'mông
72	<i>Geranium</i> sp.	Long đóm	Geraniaceae	Đau bụng, đi ngoài, xương khớp, dạ dày (Đun nước uống)	Rễ	H'mông
73	<i>Gynura japonica</i> (L. f.) Juel	Kim thất nhất	Asteraceae	Đau răng, bổ máu (Hâm canh gà)	Rễ, lá	H'mông
74	<i>Hamelia patens</i> Jacq.	Trang đỏ	Rubiaceae	Gan	Lá, rễ, thân và hoa	H'mông
75	<i>Hydrocotyle</i> sp.	Rau má	Apiaceae	Đau đầu, già bôi hoặc uống	Cả cây	H'mông
76	<i>Hypericum hookerianum</i> Wight & Arn.	Ban hooker	Hypericaceae	Tăng cân (đun nước uống), viêm bàng quang	Rễ, lá	H'mông
77	<i>Hypericum patulum</i> Thunb.	Ban	Hypericaceae	Sốt, ngứa	Quả	H'mông
78	<i>Iresine</i> sp.	Nhung hoa	Amaranthaceae	Đau dạ dày	Cả cây	H'mông
79	<i>Impatiens balsamina</i> L.	Bóng nước, khuyên tai	Balsaminaceae	Chữa vô sinh ở nam và nữ (Đun nước uống)	Hoa, hạt	H'mông
80	<i>Iris japonica</i> Thunb	Đuôi diều	Iridaceae	Đau dạ dày	Cả cây	H'mông
81	<i>Justicia gendarussa</i> Burm. f	Thanh táo	Acanthaceae	Rắn cắn	Cành lá	H'mông
82	<i>Kalanchoe pinnata</i> (Lamk.) Pers	Thuốc bóng	Crassulaceae	Đái dầm (lợi tiểu), cho trẻ kém ăn (Đun nước uống)	Thân lá	H'mông
83	<i>Mahonia bealei</i> (Fortune) Pynaert	Hoàng liên ô rô	Berberidaceae	Lấy vỏ chữa đi ỉa	Lá, thân, rễ và quả	H'mông
84	<i>Liriope graminifolia</i> (L.) Baker	Tóc tiên rừng	Convallariaceae	Ho, ỉa chảy	Lá	H'mông
85	<i>Lysimachia patungensis</i> Handel-Mazzetti	Trân châu	Primulaceae	Đau đầu	Cả cây	H'mông
86	<i>Lysimachia lobeloides</i> Wall. in Roxb.	Trân châu nhị dài	Primulaceae	Giã đắp đau cơ	Cả cây	H'mông
87	<i>Nephrolepis cordifolia</i> (L.) C. Presl	Cốt cần	Nephrolepidaceae	Lấy củ ăn sống chữa ỉa chảy	Cả cây	H'mông

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Họ thực vật	Công dụng, cách dùng	Bộ phận dùng	Dân tộc
88	<i>Rohdea japonica</i> (Thunb.) Roth	Trông	Asparagaceae	Chữa đau dạ dày	lá	H'mông
89	<i>Reineckea carnea</i>	Cát dương thảo	Convallariaceae	Kích thích tiêu hóa, tăng cân, ho, sốt rét	Cả cây	H'mông
90	<i>Reineckea sp.</i>	Sốt rét lá lớn	Convallariaceae	Sốt rét	Lá	H'mông
91	<i>Phalaris sp.</i>	Chua mát xòa (tên dân tộc)	Poaceae	Chữa sốt cao	Cả cây	H'mông
92	<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir	Phèn đen	Euphorbiaceae	Chữa đau vú, tức ngực	Cành lá	H'mông
93	<i>Polygonum sp.</i>	Nghê	Polygonaceae	Chữa lành vết thương	Cành lá	H'mông
94	<i>Pratia nummularias</i> (Lamk.) A. Br. & Aschers	Rau vẩy ốc	Lobeliaceae	Bổ, tăng cân (nấu canh gà)	Cả cây và rễ	H'mông
95	<i>Prunus sp.</i>	Chùa thèo the (tên dân tộc)	Rosaceae	Biếng ăn (trẻ nhỏ)	Cành lá	H'mông
96	<i>Ranunculus cantoniensis</i> DC	Mao lương quảng đông	Ranunculaceae	Ngã đau xương	Cả cây	H'mông
97	<i>Rubia cordifolia</i> L.	Thiến thảo	Rubiaceae	Đun uống chữa đau bụng	Rễ	H'mông
98	<i>Saxifraga stolonifera</i> Curtis	Tai hùm	Saxifragaceae	Thuốc bổ (dành cho phụ nữ sau sinh)	Cả cây	H'mông
99	<i>Smilax sp.</i>	Kim cang	Smilacaceae	Đau tức ngực	Dây leo	H'mông
100	<i>Solanum nigrum</i> L.	Lu lu đực	Solanaceae	Đau mắt (ăn)	Phần trên mặt đất	H'mông
101	<i>Strobilanthes cusia</i> (Nees) Kuntze	Chàm mèo	Acanthaceae	Chữa sốt	Thân, lá	H'mông
102	<i>Synotis cappa</i> (Buch.-Ham. ex D.Don) C.Jeffrey & Y.L.Chen	Vì hoàng hoa dày	Asteraceae	Tắm	Lá	H'mông
103	<i>Tetrastigma sp.</i>	Tứ thư	Vitaceae	Gãy xương (giã đắp)	Lá	H'mông
104	<i>Viola diffusa</i> Ging	Hoa tím tràn lan	Violaceae	Đau đầu, chóng mặt	Cả cây	H'mông
105	<i>Viola sp.</i>	Hoa tím lá dạng mác	Violaceae	Đau tay, đau chân	Cả cây	H'mông
106	<i>Amomum aromaticum</i> Roxb.	Thảo quả	Zingiberaceae	Xương khớp	Cuống quả	H'mông, Dao
107	<i>Callicarpa sp.</i>	Nàng nàng	Verbenaceae	Tắm (dùng cùng 93 Dí tủa lua), chữa đau mắt	Lá, thân, rễ	Dao, H'mông
108	<i>Curcuma sp.</i>	Nghệ	Zingiberaceae	Chữa đau bụng, dạ dày	Củ	H'mông, Dao
109	<i>Gynostemma sp.</i>	Giảo cổ lam	Cucurbitaceae	Chè uống	Thân, lá	H'mông, Dao
110	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers	Màng tang	Lauraceae	Lung đau, bụng đau	Rễ, cành, lá, quả	H'mông, Dao
111	<i>Oxyspora paniculata</i> (D. Don) DC	Mua đỏ	Melastomataceae	Đau bụng đi ngoài lỏng, đau lưng (thân, ngâm rượu uống)	Rễ, quả	H'mông, Dao
112	<i>Pseuderanthemum palatiferum</i> (Nees) Radlk	Hoàn ngọc	Acanthaceae	Chữa đau người	Lá, rễ	H'mông, Dao
113	<i>Stephania sp.</i>	Bình vôi	Menispermaceae	Bôi ngoài da (không uống) chữa mụn, hắc bào	Củ	H'mông, Dao
114	<i>Sabia sp.</i>	Thanh phong	Sabiaceae	Uống tan bệnh, khóa người	Cả cây	Dao, H'mông
115	<i>Sambucus javanica</i> Reinw. ex Blume	Cơm cháy	Caprifoliaceae	Chữa, đau đầu (tắm), xương khớp	Lá, vỏ cây, quả, hoa	H'mông, Dao
116	<i>Zanthoxylum sp.</i>	Sên	Rutaceae	Chữa cảm sốt, mệt mỏi	Quả, rễ	Dao, H'mông

Bảng 1 cho thấy trong tổng số 116 loài cây thuốc có 11 loại cây thuốc cả hai nhóm dân tộc sử dụng, số cây thuốc còn lại dân tộc Dao sử dụng 52 loài cây thuốc, dân tộc H'mông sử dụng 54 loài cây thuốc. Mỗi loài cây thuốc tùy thuộc vào từng dân tộc sử dụng theo mục đích cũng như chữa trị loại bệnh, công dụng khác nhau. Hai dân tộc sử dụng các loại cây thuốc chủ yếu dùng để đun, sắc uống, hoặc dùng tắm cho trẻ nhỏ, chữa các bệnh đau bụng, cảm, sốt, đau lưng... các bộ phận sử dụng các loại cây cũng đa dạng gồm cả thân, rễ, lá, quả... tùy thuộc vào loài cây bộ phận sử dụng làm thuốc khác nhau.

Qua đây cũng chứng tỏ rằng kiến thức sử dụng cây thuốc được hình thành bởi sự đa dạng, phong phú về sinh thái cùng với sự khác nhau về ngôn ngữ của cộng đồng dân tộc. Những kiến thức sử dụng cây thuốc cổ truyền và truyền thống mang ý nghĩa lớn cung cấp cơ sở khoa học, cùng một loài có thể sử dụng nhiều cách khác nhau. Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc thông qua thực tiễn chữa bệnh thường xuyên bổ sung loài cây thuốc vào vị thuốc. Tri thức sử dụng cây thuốc có sự khác nhau giữa các thành viên trong cùng cộng đồng dân tộc, và khác nhau giữa các địa phương. Kiến thức bản địa về sử dụng bài thuốc tùy thuộc vào phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng của từng dân tộc. Sự khác biệt này phụ thuộc vào kinh nghiệm, khả năng đi lại và mức độ kiểm soát nguồn tài

nguyên của từng người (Lê Thanh Thanh Hương & Nguyễn Trung Thành, 2016; Nguyễn Thượng Hải và cộng sự, 2014).

3.2. Kinh nghiệm về bài thuốc chữa bệnh của H'mông và Dao

Chăm sóc sức khỏe của cộng đồng dân tộc phụ thuộc rất lớn vào các loài cây thuốc từ tự nhiên góp phần quan trọng trong chữa các bệnh thường ngày của người dân tộc, bảo tồn giá trị văn hóa kiến thức bản địa của người dân địa phương như các bệnh: tiêu hóa, đau bụng, xương khớp, bệnh cảm sốt, mệt mỏi, lợi tiểu... họ đã sử dụng nhiều loại cây thuốc khác nhau. Những loài cây thuốc thu thập được là nguồn dược liệu quý giá cho việc phát triển các loại thuốc mới trong tương lai. Bảo tồn các loại cây thuốc dân tộc không chỉ hướng tới bảo tồn nguồn gen mà còn phát huy kinh nghiệm, tri thức của người dân tộc trong việc sử dụng và phát triển thuốc.

Việc nghiên cứu bài thuốc theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc H'mông và Dao ở Sapa, Lào Cai nhằm đánh giá tính xác thực, hiệu quả điều trị của các bài thuốc dân tộc trên cơ sở nghiên cứu khoa học thực nghiệm. Kết quả cho thấy số lượng bài thuốc được các thầy lang, bà mẹ và người dân cung cấp khá lớn, tuy nhiên trong nghiên cứu này đã thống kê được các bài thuốc nhiều người tin dùng và thừa nhận kết quả chữa bệnh (bảng 2).

Bảng 2. Tỷ lệ các cây thuốc đã xác định trong các bài thuốc

Dân tộc	Số bài thuốc thu thập	Số cây thuốc xác định có trong các bài thuốc	Tỷ lệ % các cây thuốc đã xác định (%)
Cộng đồng dân tộc H'mông	21	60	92,3
Cộng đồng dân tộc Dao	18	57	90,76

Kết quả bảng 2 cho thấy trong các bài thuốc thu thập trong 2 cộng đồng của các dân tộc ở Sapa, Lào Cai đã xác định trên 90% tên khoa học của các loài cây thuốc trong các dân tộc. Qua điều tra và thu thập kinh nghiệm chữa bệnh của dân tộc H'mông và Dao thống kê chủ yếu chữa các bệnh về rắn cắn, đau dạ dày, cảm máu, đường hô hấp, đau nhức xương khớp, ho, chữa bỏng, lợi tiểu, bồi bổ sức khỏe, tăng cường sinh lực cho đàn ông, bệnh phụ nữ, thủy đậu... Những bài thuốc lưu truyền, sử dụng chữa trị

các bệnh mắc phải trong cộng đồng đa số từ những bệnh đơn giản như ngứa ngoài da cho tới những bệnh phức tạp như gan, thận, u bướu, đa dạng trong phương pháp chữa bệnh cũng như nhóm bệnh được chữa trị ở mỗi dân tộc góp phần cung cấp tư liệu khoa học tin cậy cho việc sử dụng bài thuốc. Thực tế những bệnh mắc phải người dân tộc ít nghiêm trọng họ biết cách tự chữa trị, kết hợp giữa các loại thực vật và nhiều cây khác nhau dùng để điều trị một bệnh.

Bảng 3. Bài thuốc của cộng đồng H'mông và Dao tại Sapa, Lào Cai

Cộng đồng dân tộc	Số bài thuốc thu thập	
	Số bài	Bài thuốc kinh nghiệm theo nhóm bệnh
H'mông	21	1 bài thuốc bổ; 1 bài chữa bệnh cảm cúm, đau đầu; 1 bài chữa bệnh sốt; 1 bài chữa bệnh tim mạch; 1 bài chữa bệnh đường hô hấp; 1 bài chữa răng miệng; 1 bài chữa bệnh về mắt; 1 bài chữa rần cắn; 3 bài chữa bệnh xương khớp; 2 bài chữa bệnh đau dạ dày; 2 bài chữa bệnh lợi tiểu; 1 bài tăng cường sinh lực cho đàn ông; 1 bài chữa bóng; 1 bài chữa đường tiêu hóa; 1 bài chữa cầm máu; 2 bài chữa bệnh phụ nữ.
Dao	18	2 bài chữa bệnh xương - khớp; 1 bài chữa bệnh đường tiết niệu; 3 bài chữa bệnh phụ nữ; 1 bài chữa bệnh thần kinh; 1 bài chữa bệnh đau dạ dày; 1 bài chữa bệnh gan; 3 bài chữa bệnh ở trẻ nhỏ mẩn ngứa, thủy đậu, sởi; 1 bài chữa ung bướu; 1 bài chữa bệnh đường tiêu hóa; 1 bài chữa rần cắn; 1 bài chữa bệnh về mắt; 1 bài chữa sỏi mật; 1 bài chữa bệnh đường hô hấp.

Kết quả bảng 3 chỉ ra rằng hầu hết các ông lang, bà mẹ của 2 dân tộc H'mông và Dao đều có những bài thuốc điều trị các nhóm bệnh ở bảng 3, đồng thời số lượng bài thuốc để điều trị bệnh trong nhóm bệnh này chiếm từ 25 - 45% trong tổng số những bài thuốc được đồng bào dân tộc dùng để điều trị các loại bệnh khác nhau ví dụ bệnh lợi tiểu bao gồm các bệnh bí đái, đái rất, buốt đái, đái dầm... bệnh về đường tiêu hóa bao gồm nhiều bệnh khác nhau như đau bụng đi ngoài, táo bón, sỏi bụng, nhiễm khuẩn đường ruột... là nhóm bệnh thường mắc phải ở mọi người dân Việt Nam, dựa trên vốn hiểu biết của mỗi dân tộc cũng như của các gia đình sống cộng đồng trong thôn bản họ đã chữa trị theo các cách khác nhau. Thêm vào đó các nhóm bệnh thường gặp như xương khớp và bệnh ngoài da đối với 2 dân tộc này (H'mông và Dao) do điều kiện vệ sinh cá nhân, làm nông nghiệp, nương dẫy cũng như đặc điểm thời tiết nóng ẩm ảnh hưởng dẫn đến bệnh tật.

Tuy nhiên một số bài thuốc đã sử dụng chữa bệnh có hiệu quả đối với những bệnh nhân được sở hữu bởi một số thầy lang, bà mẹ như bài thuốc lợi tiểu, về đường hô hấp, đau xương khớp của dân tộc H'mông, chữa các bệnh tẩm cho phụ nữ sau sinh, gan, mẩn ngứa của dân tộc Dao. Nét riêng biệt của mỗi ông lang, bà mẹ có hiểu biết khác nhau giữa các nhóm dân tộc và kinh nghiệm cá nhân được truyền lại qua các thế hệ của mỗi gia đình làm nghề thuốc và họ đều có cách sử dụng, điều trị bệnh bằng cây cỏ khác

nhau. Điển hình như việc dùng những cây cỏ để tẩm cho phụ nữ sau sinh được nhiều dân tộc biết và sử dụng, tuy nhiên những bài thuốc tẩm có hiệu quả phục hồi sức khỏe nhanh chóng sau khi sinh và nổi tiếng nhất là những bài thuốc tẩm của người Dao (Lê Thị Thanh Hương & Nguyễn Trung Thành, 2016). Đây là những kinh nghiệm rất quý báu cần được bảo vệ, gìn giữ để đáp ứng nhu cầu chữa bệnh cho nhân dân. Ngày nay, cây thuốc và các kiến thức liên quan đến cây thuốc đang bị đe dọa do nạn phá rừng, suy thoái môi trường và giao thoa văn hóa. Trước thực trạng đó, các nghiên cứu về cây thuốc dân tộc và các biện pháp bảo tồn cần được quan tâm.

Khai thác sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc để đáp ứng nhu cầu chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng dân tộc là tập quán có từ lâu đời tại Sapa, Lào Cai. Kinh nghiệm chữa bệnh bằng cây thuốc đã được tích lũy từ đời này qua đời khác, được lưu truyền trong các gia đình dân tộc. Tuy nhiên, những tri thức này chỉ được truyền trong phạm vi từng cộng đồng, cùng với đặc trưng truyền miệng từ đời trước sang đời sau. Việc sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc sẵn có trong tự nhiên để chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng dân tộc đều có phương thức ứng xử khác nhau.

Vì vậy các biện pháp thu thập nguồn tri thức của dân tộc H'mông và Dao để phổ biến cho cộng đồng, phục vụ công tác chữa bệnh đang có nguy cơ mai một ngày càng cao. Mặc dù ngôn ngữ của các dân tộc Dao, H'mông khác nhau,

xong các dân tộc sống xen kẽ với nhau nên có sự ảnh hưởng giao thoa nhất định về mặt ngôn ngữ cũng như tri thức bản địa trong việc sử dụng cây thuốc để chữa bệnh. Qua quá trình nghiên cứu, nhận thấy nhiều loài cây thuốc được cộng đồng dân tộc H'mông và Dao khác nhau, nhưng đều dùng chữa trị một nhóm bệnh. Những kiến thức truyền thống về cây thuốc và kinh nghiệm bản địa trong việc sử dụng cây thuốc không những góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn các giá trị văn hóa và đa dạng sinh học mà còn mở ra một triển vọng cho việc phát triển thuốc mới. Vì vậy, việc nghiên cứu ứng dụng những kiến thức bản địa về thực vật làm thuốc của cộng đồng các dân tộc sẽ mang lại một tương lai đầy hứa hẹn cho việc chăm sóc sức khỏe của cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Các loài cây thuốc sử dụng trong hai nhóm dân tộc đa dạng có 52 loài cây thuốc sử dụng cho dân tộc Dao, và 54 loài cây thuốc sử dụng trong dân tộc H'mông, và 11 loài cây thuốc sử dụng cho cả hai nhóm dân tộc. Các bộ phận được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm của 2 dân tộc thiểu số bao gồm: thân, rễ, lá, hoa quả, hạt... trong đó, có trên 100 loài cây sử dụng để chữa bệnh và dùng chủ yếu là các bộ phận thân và lá, rễ, cả cây nhiều nhất.

Trong số 116 loài cây thuốc và 39 bài thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm độc đáo của hai nhóm dân tộc H'mông và Dao của cộng đồng Sapa ở tỉnh Lào Cai: dân tộc H'mông sử dụng 60 loài cây thuốc và 21 bài thuốc, dân tộc Dao sử dụng 57 loài cây thuốc và 18 bài thuốc.

Dân tộc H'mông và Dao cùng sinh sống có sự giao thoa về kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong việc cùng chữa trị một nhóm bệnh, cùng có cách gọi tên nhận biết cây thuốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Thanh Hương & Nguyễn Trung Thành, 2016. Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên để bảo tồn và phát triển bền vững: Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Số 1 (2016) 55-64.
2. Nguyễn Thượng Hải, Phạm Hồng Ban, Hoàng Danh Trung, Nguyễn Nghĩa Thìn, 2014. Cây thuốc được đồng bào dân tộc Thái chữa gãy xương, bong gân, sai khớp tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Tạp chí Khoa học Công nghệ 52: 49-496.
3. Lưu Đàm Cư, 2009. Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm y học cổ truyền của các dân tộc để bảo tồn và phát triển cây thuốc. Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.
4. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Thanh Vân, 2005. Bước đầu tìm hiểu cây thuốc của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Nam Bộ Dân tộc và tôn giáo, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 165-190.

INVESTIGATION OF USING MEDICINAL PLANTS AND INDIGENOUS KNOWLEDGE IN SAPA DISTRICT, LAO CAI PROVINCE

Luong Thi Hoan¹, Nghiem Tien Chung¹, Nguyen Minh Khoi¹, Trinh Van Vuong¹

¹*National Institute of Medicinal Materials*

SUMMARY

Lao Cai is the northwestern province where many ethnic minorities have been living together. Each ethnic group retains unique features of knowledge and experience in the use of forest plants for healing. The objective of this study is to investigate the use of medicinal plant plants and indigenous knowledge of the H'mong and Dao ethnic groups in Sapa district. The results showed that plants are used as medicine for over 116 plant species, in which 52 tree species used in the Dao ethnic group, 54 plant species used in the H'mong ethnic group, and 11 tree species used in both ethnic groups. The parts of the plant were used to make medicine very diversity such as stems, leaves, roots, tubers. Among them, stem, leaves, and whole plants are commonly used. H'mong ethnic group are used for 21 herbal remedies and Dao ethnic group uses 18 herbal remedies to cure most human diseases. Most remedies of these ethnic groups focus on osteoarthritis pain, postpartum women, pruritus, diuretics, more rare diseases like liver or snake bites, respiratory, heart-related disease are also cured by local ethnic people through the use of medicinal plants. The maintenance of traditional medicine men and women who treat diseases by use of the traditional plant is also a unique feature and to maintain their local knowledge from generation to generation of the ethnic minorities here. In addition, the coexistence in the same locality also led to the interference of culture in general, including the interference in terms of experience in the treatment. This is expressed through one or some trees used to cure the same disease by different ethnic groups.

Keywords: ethnic minorities, Indigenous knowledge, medicinal plants, Sapa.

Ngày nhận bài : 18/6/2020
Ngày phản biện : 08/10/2020
Ngày quyết định đăng : 13/10/2020